

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 01 - 2018
“ V/v tranh chấp xin ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mâm

Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2017/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “ Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 399/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Mạc Thanh K, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30.11.2017 và các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị P (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh K kết hôn năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống, đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên sống ly thân đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có một con chung là Mạc Tường V, sinh ngày 14.01.1999, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh K có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh K không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai tại Tòa án anh Mạc Thanh K (Bị đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị P kết hôn năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên sống ly thân. Nay anh đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh và chị P có một con chung là Mạc Tường V, sinh ngày 14.01.1999, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị P có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị P không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị P và anh Mạc Thanh K là “*Tranh chấp xin ly hôn*” được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] *Về hôn nhân:* Chị P và anh K kết hôn năm 1997, nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Mặc dù, chị P và anh K thống nhất thuận tình ly hôn nhưng do anh chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị mà căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa chị P và anh K là vợ chồng.

[2] *Về con chung:* Chị P và anh K thống nhất có một con chung là Mạc Tường V, sinh ngày 14.01.1999, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[3] *Về tài sản chung:* Chị P và anh K thống nhất có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nợ chung:* Chị P và anh K xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Buộc chị P phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 9, 14, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị P và anh Mạc Thanh K là vợ chồng.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị P phải chịu số tiền là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền chị P dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004004 ngày 30.11.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị P đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ TRÚC HẰNG